Always	Luôn luôn (ở mức 100%)
Usually	Thường xuyên (mức 90%)
Often	Thường thường (mức 70%)
Sometimes	Đôi khi, đôi lúc (mức 50%)
Never	Không bao giờ (mức 0%)

Ví dụ:

- She always gets up late. (Cô ấy luôn luôn thức dậy trễ.)
- She often goes to the park. (Cô ấy thường đi công viên.)
- She sometimes eats at home. (Cô ấy thỉnh thoảng mới ăn ở nhà.)
- She seldom goes picnic. (Cô ấy hiếm khi đi dã ngoại.)
- She never plays badminton. (Cô ấy không bao giờ chơi tennis.)

Form :

1. **Đứng sau động từ "tobe"**

Ví dụ: I am never late for school. (Tôi không bao giờ đi học trễ)

2. **Đứng trước động từ chính và đứng sau chủ từ**

Ví dụ: He sometimes wash his car. (Anh ta thỉnh thoảng mới rửa xe)

3. **Đứng giữa trợ động từ và động từ chính trong câu**

Ví dụ:

– I have never been abroad. (Tôi chưa bao giờ đi nước ngoài)

– You should usually do your homework before going to school. (Bạn nên làm bài tập về nhà trước khi đến lớp)

Task 1. Give the correct form of verbs.

1. She (**walk**)_____ to school every morning.
2. They (**learn**) _____ how to use the lawnmower in their free time.
3. Linda (**go**) _____to the supermarket to buy some sugar.
4. Sometimes I (**feel**) _____ really lazy to do anything.
5. Phong and I (**study**) _____ English in my room.
6. I often (**have**) _____ breakfast at 7 am at home.
7. She (**do**)_____ aerobics every morning to keep fit.

LIVEWORKSHEETS

8. Nga (**like**) _____playing basketball very much.

9. What time you (**have**) _____lunch every day?

10. She (**not have**) _____ any pen, so I lend her one.

11. They _____ (**play**) football and basketball at school.

12. My father _____ (**read**) the newspaper every morning.

13. We _____ (**have**) English, Maths and Science on Monday.

14. She never _____ (**do**) her homework.

15. I _____ (**go**) swimming twice a week.

16. Cars _____ (**be**) more expensive than motorbikes.

17. Jane always _____ (**have**) breakfast at 6 o'clock.

18 He usually _____ (**watch**) TV after dinner.

19. London _____ (**be**) a very big country.

20. I _____ (**be**) a student and my parents _____ (**be**) teachers.

Task 2. Put the adverb of frequency into the correct place. Then give the correct form of verbs.

1. My brothers (sleep) on the floor. (often)
   _____ .
2. He (stay) up late? (sometimes)
   _____ .
3. I (do) the housework with my brother. (always)
   _____ .
4. Peter and Mary (come) to class on time. (never)
   _____ .
5. Why Johnson (get) good marks? (always)
   _____ .
6. You (go) shopping? (usually)
   _____ .
7. She (cry). (seldom)
   _____ .
8. My father (have) popcorn. (never)
   _____ .

Task 3. Change these sentences into negative and interrogative form

1. They listen to English every day.
   _____ .

LIVEWORKSHEETS

_____ .

2. She plays badminton every afternoon.

_____ .

_____ .

3. We play volleyball every morning.

_____ .

_____ .

4. He does homework every night.

_____ .

_____ .

5. Mary and Peter go to work every day

_____ .

_____ .

6. He gets up at 9.00 every morning.

_____ .

_____ .

Task 4.Make questions in the present simple. Then write short answers.

1. you/ have/ an art lesson on Monday (no)

_____ ? _____

2. they/ ride/ their bikes to school (yes)

_____ ? _____

3. Jane/ play/ tennis at school (no)

_____ ? _____

4. your parents/ at home now (yes)

_____ ? _____

5. he/ have/ breakfast at 6 o'clock every day (yes)

_____ ? _____

6. you/ a good student (no)

_____ ? _____

7. I/ look/ well (no)

_____ ? _____

8. Ms. Van/ a good teacher (yes)

_____ ? _____

LIVEWORKSHEETS